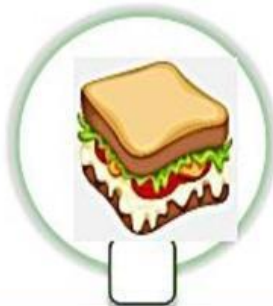


REVIEW 1 (UNIT 1 – UNIT 5)

Handout 1

Exercise 1: (8 pts) Đọc câu và điền số vào tranh thích hợp



1. My favourite subject is English.
2. My favourite sports is basketball.
3. I like swimming.
4. My favourite animal is monkey.

5. My favourite food is pizza.
6. My favourite sport is table tennis.
7. I like sandwich.
8. My favourite colour is pink.

Exercise 2: (5 pts) Đọc và chọn từ có trọng âm khác

- | | | | |
|-----|------------|-------------|-------------|
| 9. | A. city | B. mountain | C. thirteen |
| 10. | A. doctor | B. enjoy | C. teacher |
| 11. | A. often | B. because | C. again |
| 12. | A. England | B. Japan | C. China |
| 13. | A. morning | B. tonight | C. weekend |

Exercise 3: (6 pts) Nhìn tranh và chọn dấu (V) hoặc (X)



Exercise 4: (6 pts) Điền vị trí đúng của trạng từ tần suất

20. He reads stories at home. (usually)

21. They play football in the afternoon. (often)

22. She watches cartoon at night. (rarely)

23. I listen to music before bedtime. (always)

24. How does he go to the library? (often)

25. We go to the beach. (sometimes)
